

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12- HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2026.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Toàn và ông Nhữ Đình Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên, Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2026/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2026 về việc “Ly hôn; tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 01/02/2001.

Số CCCD: 0423010*****

HKTT: TDP L, phường H, tỉnh H.

- **Bị đơn:** Anh Kim Sơn T, sinh ngày 10/10/1988.

Số CCCD: 0300880*****

HKTT: Thôn C, xã C, thành phố Hải Phòng.

- **Người làm chứng:** Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn C, xã C, thành phố Hải Phòng.

Chị N, anh T, bà T2 đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày: Chị và anh Kim Sơn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 12/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh H cũ, nay là phường H, tỉnh H. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị đang mang thai khoảng 8 tháng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình chồng. Quá trình chung sống vợ chồng tổ chức cuộc sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Theo chị nguyên nhân

mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Do chị chuẩn bị sinh con nên không đi làm, không có thu nhập, bản thân anh T lại không tu chí làm ăn mà ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình, anh T không có ý thức tìm việc làm để có thu nhập trang trải nhu cầu thiết yếu của gia đình mà mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều phụ thuộc bố mẹ hai bên và anh em chồng. Chị và hai bên gia đình đã nhiều lần phân tích, động viên để anh T tìm việc làm nhưng anh T không tiếp thu. Cuối năm 2024, anh chị thuê nhà trọ ở riêng, mục đích để giảm trách nhiệm của anh T với gia đình, hy vọng anh phải thay đổi nhưng không có kết quả, vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra cãi nhau. Bố mẹ anh T thấy tình hình không ổn nên gọi anh chị về sống chung. Khi quay lại sống chung cùng gia đình, anh T vẫn chứng nào tật đấy nên vợ chồng tiếp tục xảy ra va chạm và mâu thuẫn cả với bố mẹ, anh T có những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị. Mâu thuẫn diễn ra liên tục nên cuộc sống của chị cũng như những thành viên khác trong gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, áp lực. Do tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc nên chị đã cho con về gia đình bố mẹ để ở từ đầu năm 2025 và ly thân từ đó đến nay. Thời gian đầu ly thân, anh T có tìm chị về đoàn tụ, nhưng chị xác định không còn tình cảm với anh T và cũng không muốn duy trì cuộc hôn nhân không có hạnh phúc với anh T nên chị không về. Sau đó, anh T cắt đứt mọi liên lạc với chị.

Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 1 con chung là Kim Nguyễn C, sinh ngày 27/6/2023 hiện đang ở cùng chị. Chị xin được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Vũ Thị T1 (mẹ đẻ anh T) trình bày: Chị N, anh T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi kết hôn Chị N, anh T chung sống cùng gia đình bà, sau đó xin phép ra ngoài thuê trọ ở riêng được một thời gian thì lại quay về chung sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống Chị N, anh T tổ chức cuộc sống hoà thuận hạnh phúc nhưng cũng không tránh khỏi mâu thuẫn. Chị N đã mang con về nhà đẻ ở từ đầu năm 2025 đến nay. Nay Chị N xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện anh T đi làm nay đây, mai đó, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T để cung cấp cho Tòa án, anh T thỉnh thoảng về nhà chốc lát rồi lại đi và thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua mạng xã hội. Bà đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã giao và thông báo nội dung các văn bản đó cho anh T. Quan điểm của anh T nhất trí ly hôn, nhất trí để Chị N nuôi dưỡng con chung, anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Tại công văn số 2326/XNC-Đ1 ngày 31/3/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng xác định không thấy thông tin xuất nhập cảnh của anh Kim Sơn T, sinh ngày 10/10/1988. CCCD số 0300880*****.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn anh Kim Sơn T; Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Kim Nguyễn C, sinh ngày 27/6/2023 đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Kim Sơn T, đăng ký thường trú tại xã C, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân khu vực 12- Hải Phòng thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Kim Sơn T đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ thông qua người thân thích nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Bà T2 vắng mặt nhưng đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

*Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 12/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh H cũ, nay là phường H, tỉnh H. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Vợ chồng tổ chức cuộc sống chung đến năm 2024 thì nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cách tổ chức cuộc sống, phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng không thấu hiểu, chia sẻ với nhau về những khó khăn trong cuộc sống, về cách chăm sóc, nuôi dạy con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2025 đến nay, cả hai bên không còn quan tâm đến nhau và cũng không

tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Thông qua người thân thích, anh T cũng bày tỏ quan điểm nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng nên xử cho Chị N được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

* Về con chung: Chị N, anh T có một con chung Kim Nguyễn C, sinh ngày 27/6/2023, hiện đang ở cùng Chị N. Chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Thông qua người thân thích, anh T bày tỏ quan điểm nhất trí giao con cho Chị N nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, nên giao cho Chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ N khởi kiện vụ án dân sự nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn anh Kim Sơn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mỹ N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Kim Nguyễn C, sinh ngày 27/6/2023 (hiện đang ở cùng Chị N) đến khi con chung 8 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Mỹ N không yêu cầu anh Kim Sơn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Kim Sơn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0002332 ngày 04/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ N, anh Kim Sơn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường H, tỉnh H (*để ghi sổ hộ tịch; CNKH số 18 ngày 12/6/2023 do UBND xã T thực hiện*);
- Lưu văn phòng, lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên